

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-8-2024.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
tranh chấp quyền nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trương Văn Tấn.

2/. Bà Võ Thị Diễm.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Quế Anh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Mộng Cẩm-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Cao Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Võ Văn T, sinh năm 1989 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị L và anh T tên: Võ Cao Quốc Â, sinh ngày 16/10/2014.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị Trúc L là nguyên đơn trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau là do quen biết, có tổ chức đám cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C vào ngày 08/3/2014, nữ trang ngày cưới tổng cộng 07 chỉ vàng 24kra, số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán hết để làm ăn hiện nay không còn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc,

nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, thường xuyên tranh cãi với nhau, chị và anh T đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, chị cùng 02 con về cha mẹ ruột sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên tên Võ Cao Quốc Á, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung tên: Võ Cao Quốc Á, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 hiện đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con 02 con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Võ Văn T là bị đơn trình bày: Anh là chồng của chị Cao Thị Trúc L. Anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, nữ trang là đúng sự thật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, thường xuyên tranh cãi với nhau, anh và chị L đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, chị L cùng 02 con về cha mẹ ruột sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên tên Võ Cao Quốc Á, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 hiện đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng tôi.

Nay về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Cao Thị Trúc L; Về con chung tên Võ Cao Quốc Á, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 hiện đang sống chung với chị L, sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị L được nuôi dưỡng con 02 con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Võ Cao Quốc Á là con của chị L và anh T trình bày: Cháu là con của bà Cao Thị Trúc L và ông Võ Văn T, cháu đang học lớp 5 trường tiểu học T1, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Cao Thị Trúc L.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Võ Văn T là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Cao Thị Trúc L là nguyên đơn, anh Võ Văn T là bị đơn, cháu Võ Cao Quốc Â là con của chị L và anh T, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Võ Văn T chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể anh Võ Văn T không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Cao Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị Trúc L và anh Võ Văn T được ly hôn.
- Về con chung: Chị Cao Thị Trúc L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Cao Quốc Â, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017.

Anh Võ Văn T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Võ Cao Quốc Â, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng/con cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay chị Cao Thị Trúc L là nguyên đơn, anh Võ Văn T là bị đơn, cháu Võ Cao Quốc Â là con của chị L và anh T, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Cao Thị Trúc L và anh Võ Văn T được xác lập vào năm 2013 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C vào ngày 08/3/2014 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị L cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, thường xuyên tranh cãi với nhau, chị và anh T đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, chị cùng 02 con về cha mẹ ruột sống.

Anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, thường xuyên tranh cãi với nhau, anh và chị L đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, chị L cùng 02 con về cha mẹ ruột sống.

Nay chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung tên: Võ Cao Quốc Â, sinh ngày 16/10/2014 và Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017 hiện đang sống chung với chị L, theo lời trình bày của chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và anh T cũng đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Quốc Â muốn được sống với chị L, từ đó nghĩ nên giao chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Cao Quốc Â và cháu Võ Cao Trúc L1 sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân

gia đình. Anh Võ Văn T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, anh Võ Văn T thống nhất với yêu cầu của chị L.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: chị Cao Thị Trúc L có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, Anh Võ Văn T có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Cao Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cao Thị Trúc L và anh Võ Văn T được ly hôn.

- Về con chung: Chị Cao Thị Trúc L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Cao Quốc Â, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Võ Cao Trúc L1, sinh ngày 27/10/2017.

Anh Võ Văn T được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Cao Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003285, ngày 08/5/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Cao Thị Trúc L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh